TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 53/2020/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 11 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*:

1. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Làng L, xã I, huyện Ch, tỉnh G; tạm trú: Số 263/19 tổ 7 đường Hùng Vương, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Làng L, xã I, huyện Ch, tỉnh G; tạm trú: Số 263/19 tổ 7 đường Hùng Vương, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong việc về hôn nhân gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn N được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Bà Lưu Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hạ V, sinh ngày 05/11/2018. Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2020.

Kể từ ngày bà Lưu Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn N không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lưu Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032501 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh G (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109/2015, quyển số 01/2015 ngày 22/12/2015);
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng